

Kinh tế Việt Nam 2015 - 2016: Ổn định và tăng trưởng trong hội nhập quốc tế

• **Nguyễn Văn Luân**

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM - Email: luannv@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 25 tháng 01 năm 2016, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 10 tháng 03 năm 2016)

TÓM TẮT

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khả quan hơn, kinh tế vĩ mô ổn định và được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế đạt 6,68%, chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,63%, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, khó khăn của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã có dấu hiệu giảm bớt. Xuất - nhập khẩu được đánh giá là điểm sáng khi tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức 2 con số. Với kết quả tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã phát đi những tín hiệu tích cực để tiến trình cải cách DNNN về đích một cách hiệu quả đã tạo đà cho phát triển kinh tế năm 2016.

Mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt

6,7% GDP, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Năm 2016 cần phải tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, chú trọng thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, chủ động hội nhập thương mại quốc tế theo các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết: FTA, AEC, TPP.

Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế năm 2016, cần phải triển khai mạnh mẽ các chính sách, biện pháp xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ trong cả nước và các ngành để tạo ra những kết quả mang tính bước ngoặt trong chuyển dịch cơ cấu và mô hình tăng trưởng.

Từ khóa: Ổn định kinh tế, tăng trưởng và hội nhập quốc tế.

1. GIỚI THIỆU

Năm 2015 là một năm có vị trí hết sức quan trọng đối với nền kinh tế nước ta, bởi đây là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, đồng thời cũng là năm bản lề chuyển tiếp cho giai đoạn 2016 - 2020, giai đoạn cuối thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Năm 2015 đóng vai trò có tính quyết định đối với "tái cấu trúc nền kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng". Có thể nói, trong những năm

vừa qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế và cải cách thể chế. Điều này đã tạo nên nhiều thuận lợi cho năm 2016, đó là: (i) kinh tế vĩ mô ổn định; (ii) môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thông thoáng hơn; (iii) việc mở rộng ngày càng sâu rộng với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và ký kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Kết thúc năm 2015, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, giá tiêu dùng tăng thấp. Chỉ số giá tiêu

dùng (CPI) tăng 0,63% so với năm 2014, là mức tăng thấp nhất trong 14 năm qua. Kinh tế tiếp tục đà phục hồi với mức tăng trưởng GDP năm 2015 đạt 6,68%, cao nhất trong vòng 8 năm qua, vượt mục tiêu đề ra, tạo đà cho sự phát triển 5 năm tới.

Năm 2015 cũng là năm Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong đó đáng chú ý là FTA Việt Nam - EU, FTA liên minh kinh tế Á - Âu: Nga, Belarus, Kazaskhtan, FTA Việt Nam - Hàn Quốc, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), hoàn tất đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2016 đã được Quốc hội thông qua là: (i) Tổng sản phẩm trong nước tăng 6,7%; (ii) Tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%; (iii) Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; (iv) Tỷ lệ nhập siêu so với

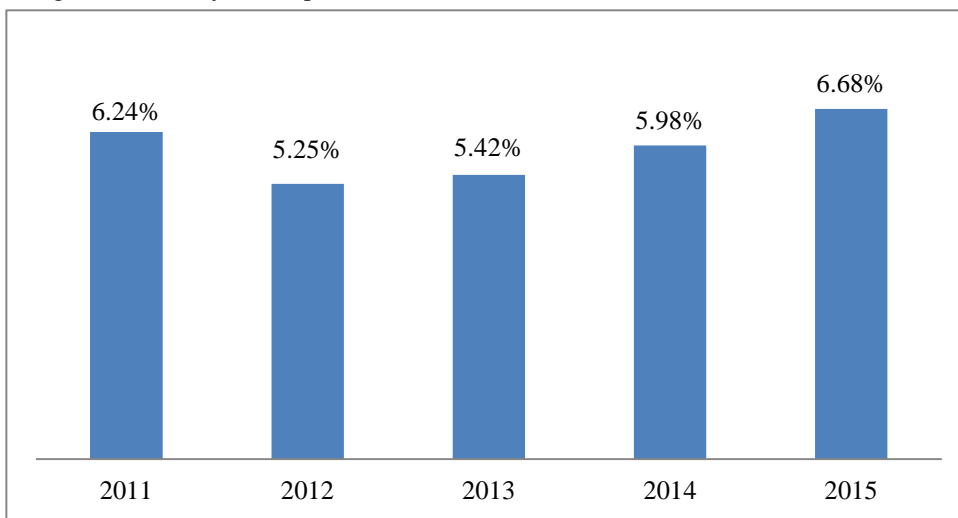
tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 5%; (v) Tỷ lệ bội chi ngân sách khoảng 5% so với GDP; (vi) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội khoảng 31% GDP; (vii) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.

Với những cải cách đang được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt, cùng đà hồi phục của nền kinh tế, khả năng thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,7% GDP sẽ là hiện thực hóa trong năm 2016.

2. KINH TẾ VIỆT NAM 2015: ỔN ĐỊNH VÀ VƯỢT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG

Tăng trưởng đạt mức cao nhất trong 5 năm và vượt chỉ tiêu kế hoạch

Năm 2015, với một số yếu tố được cải thiện về môi trường kinh doanh, chính sách tiền tệ, lãi suất, chi tiêu và đầu tư công, chính sách thuế, chính sách tỷ giá... đã có tác động “mạnh” đến nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã đạt được một kết quả đáng ghi nhận (Hình 1).



Hình 1. Tốc độ tăng GDP qua các năm 2011 - 2015 (%)

Nguồn: Niên giám thống kê 2014; Tổng cục Thống kê 2015

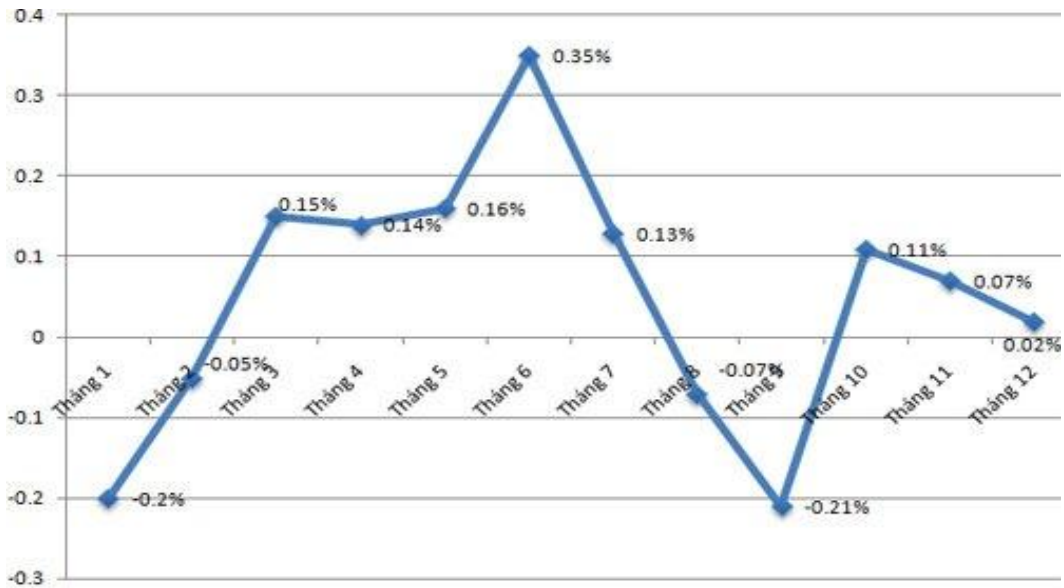
Hình 1 cho thấy: năm 2015 có thể khẳng định, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định hơn và tăng trưởng kinh tế đang lấy lại được tốc độ tăng trưởng của giai đoạn trước đây.

Năm 2015 đạt mức tăng trưởng GDP 6,68% (vượt chỉ tiêu đề ra: 6,2%). Năm 2015 là năm đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đề ra, nền tảng kinh tế vĩ mô được thiết lập một

cách tương đối vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được duy trì. Kinh tế năm 2015 tiếp tục phục hồi và đạt mức tăng trưởng cao 6,68%. Tỷ lệ tăng trưởng bình quân 5 năm 2011 - 2015 đạt 5,91%. Theo IMF và WB, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015 cao hơn mức tăng trưởng bình quân của các nước ASEAN cùng thời kỳ. Thế nhưng, tỷ lệ tăng trưởng này vẫn còn thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra trong 5 năm 2011 - 2015 là: 7,0 - 7,5%/năm. [5, tr.190].

Năm 2015, Việt Nam đã kiểm soát được lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng tháng tăng thấp. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả năm 2015 tăng 0,63% so với năm 2014. Đây là mức tăng CPI thấp nhất trong vòng hơn 14 năm qua, chỉ bằng 1/8 so với chỉ tiêu mà Quốc hội thông qua là dưới 5%. Điều này cho thấy, kiểm soát được lạm phát đã góp phần quan trọng vào ổn định kinh tế vĩ mô - một thành tựu nổi bật nhất trong năm 2015. Diễn biến CPI qua các tháng của năm 2015 như sau:

Lạm phát, lãi suất và tỷ giá được kiểm soát



Hình 2. Diễn biến CPI qua các tháng trong năm 2015

Nguồn: Tổng cục Thống kê 2015

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến CPI đạt mức thấp so với những năm trước đây là do kết quả của việc thực hiện các biện pháp kiểm soát lạm phát trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ thông qua thực hiện chính sách thắt chặt tài khóa và tiền tệ. Chính phủ đã thực hiện nhất quán và kiên trì chính sách thắt chặt tiền tệ và tài khóa, nên lạm phát đã được kiểm chế và kiểm soát ở mức thấp dần. Đồng thời, công tác quản lý, điều hành giá được chú trọng, chương trình bình ổn thị trường đối với một số mặt hàng

thiết yếu tiếp tục được thực hiện, giá một số mặt hàng tiêu dùng tương đối ổn định do nguồn cung trong nước dồi dào, trong khi nhu cầu tiêu dùng không có biến động lớn, giá cước vận tải có xu hướng giảm giúp chỉ số giá nhóm hàng lương thực giảm. Các yếu tố chi phí trong năm có xu hướng giảm, do kinh tế các nước châu Âu, Trung Quốc tăng trưởng thấp. Ngoài ra, còn có yếu tố tổng cầu trong nền kinh tế yếu và sự tác động một cách khá mạnh mẽ đến mặt bằng giá

cả trong nước là giá xăng dầu trên thị trường thế giới sụt giảm mạnh.

Các mức lãi suất điều hành đang ngày càng ổn định ở mức thấp nhất từ khi Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ năm 2012 để chống lạm phát. Các lãi suất điều hành như lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn từng bước được điều chỉnh giảm từ mức 14 - 15% năm 2011 xuống còn 5 - 7% vào cuối năm 2013, và từ tháng 3 năm 2014 đến nay được duy trì ở mức 4,5 - 5,5%. [7].

Lạm phát thấp và thị trường tiền tệ ổn định hơn, thanh khoản hệ thống ngân hàng được bảo đảm với lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm và 1 tuần trung bình cả năm ở mức 4 - 5%/năm. Lãi suất huy động và lãi suất cho vay không giảm được như kỳ vọng. Lãi suất cho vay không giảm nhanh như lãi suất huy động, phổ biến ở mức 10 - 12% trong năm 2015, khiến cho nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn.

Thặng dư cán cân thương mại trong những năm 2012, 2013 và 2014 đã tạo cho Ngân hàng Nhà nước ổn định thị trường ngoại hối và tỷ giá trong giai đoạn này. Tuy nhiên, trong năm 2015, thâm hụt thương mại đã quay trở lại và ước tính khoảng 3,2 tỷ USD; chênh lệch lãi suất tiền gửi giữa VND và USD đã thu hẹp đáng kể. Việc nâng lãi suất của Fed cộng với sự phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc đã khiến cho thị trường ngoại hối trở nên bất ổn từ 6 tháng cuối năm 2015. Để đối phó với những sự kiện này, Ngân hàng Nhà nước đã buộc phải điều chỉnh tỷ giá nhiều lần với tổng mức điều chỉnh là 3%, đồng thời nới lỏng biên độ dao động $\pm 1\%$ lên $\pm 3\%$, vượt xa mức cam kết hồi đầu năm. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng phải liên tục bán ra dự trữ ngoại hối và hạ lãi suất tiền gửi USD xuống còn 0%. Tuy nhiên, những nỗ lực này vẫn chưa thể ổn định được thị trường ngoại hối như

mong muốn do sự biến động của nền kinh tế và sự tác động bên ngoài của kinh tế thế giới.

Bức tranh tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và tỷ giá hối đoái trong năm 2015 đã tạo cho nền kinh tế ổn định, tiếp tục phục hồi và là cơ sở cho sự tăng trưởng và phát triển trong những năm tiếp theo.

Xuất - nhập khẩu duy trì đà tăng trưởng cao

Tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt trên 162,4 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2014; trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 105,1 tỷ USD (kể cả dầu thô) tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2014 và chiếm 65% kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, đáng chú ý là xuất khẩu khu vực doanh nghiệp trong nước có nhiều chuyển biến tích cực.

Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12,0% so với năm 2014. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 90,2 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2014 và chiếm 54% kim ngạch nhập khẩu. Như vậy, khu vực FDI xuất siêu 14,9 tỷ USD giúp cán cân nhập siêu của Việt Nam cả năm 2015 chỉ còn khoảng 3,2 tỷ USD, bằng 1,97% tổng kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu đề ra năm 2015 là khoảng 5%.

Tài khóa và nợ công

Chỉ tiêu công của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2015 tăng nhanh đã khiến cho thâm hụt ngân sách nhà nước đang có xu hướng ngày càng trầm trọng hơn khi tăng từ 4,4% GDP năm 2011 lên 5,4% GDP năm 2012, 6,6% năm 2013, 5,7% trong năm 2014 và duy trì mức này trong năm 2015. Mức thâm hụt này vượt xa kế hoạch cho phép của Quốc hội vào đầu giai đoạn 2011 - 2015. Dự kiến mức thâm hụt ngân sách này còn tiếp tục cao trong những năm tới do nhiều nguồn thu giảm sút như thu từ dầu thô, thuế nhập khẩu, viện trợ không hoàn lại...

Như vậy, có thể thấy bức tranh tài khóa của Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn. Điều này sẽ dẫn đến hậu quả là khả năng thực hiện các gói kích cầu, giảm thuế hoặc tăng chi tiêu cho các dự án lớn là gần như bằng không. Trong khi đó, Chính phủ phải tiếp tục phát hành một lượng lớn trái phiếu chính phủ để thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi nợ công, đồng thời thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đã được phê duyệt trước đây. Nhu cầu phát hành trái phiếu chính phủ buộc Ngân hàng Nhà nước phải tăng cung tiền để đảm bảo thanh khoản cho các tổ chức tín dụng nắm giữ trái phiếu chính phủ. Tham vọng tăng trưởng cùng với nhu cầu chi tiêu công cao (chi đầu tư lần chi thường xuyên) có thể làm cho lạm phát tăng trong năm 2016.

Nợ công của Việt Nam năm 2014 là 59,6% GDP, tăng lên 62,3% vào cuối năm 2015, gấp khoảng 3 lần tổng thu ngân sách trong năm. Theo thống kê chính thức, nợ công của Việt Nam vẫn nằm trong ngưỡng an toàn theo khuyến cáo của IMF và WB. Tuy nhiên, rủi ro của nó ngày càng gia tăng khi nghĩa vụ trả nợ so với tổng thu ngân sách nhà nước tăng mạnh trong những năm qua. Hiện nay Chính phủ phải chi tới ¼ tổng thu ngân sách nhà nước để trả nghĩa vụ nợ gốc và lãi. Ngoài ra, những rủi ro tiềm tàng từ những khoản nợ xấu của khu vực doanh nghiệp nhà nước có thể phải dùng ngân sách nhà nước để trả cũng đang đe dọa tính bền vững của nợ công Việt Nam.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng

Kết thúc năm 2015, khu vực FDI tiếp tục được đánh giá là có nhiều đóng góp cho nền kinh tế Việt Nam. FDI năm 2015 đã về đích ngoạn mục, với giá trị vốn FDI thực hiện đạt 14,5 tỷ USD, tăng 16,0% so với năm 2014 (12,5 tỷ USD). Đây là mức tăng cao nhất trong 5 năm 2011 - 2015 (năm 2013 tăng 5% so với năm 2012; năm 2014 tăng 9% so với năm 2013). Mức tăng trưởng này đã tạo nên nguồn vốn FDI

thực hiện trong 5 năm 2011 - 2015 đạt 60,5 tỷ USD, tăng 35,6% so với 5 năm giai đoạn 2006 - 2010 (44,6 tỷ USD) [10].

Xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI luôn dẫn đầu trong hoạt động xuất khẩu của cả nước. Xuất khẩu (kể cả dầu thô) khu vực FDI 5 năm 2011 - 2015 đạt 432,2 tỷ USD, tăng 179,1% so với 154,8 tỷ USD đạt được trong 5 năm giai đoạn 2006 - 2010. Xuất siêu khu vực FDI 5 năm 2011 - 2015 đạt 66,3 tỷ USD tăng gấp 2,6 lần so với 25,5 tỷ USD 5 năm trước đó. Nhập khẩu khu vực FDI 2011 - 2015 đạt 365,9 tỷ USD tăng gấp 2,8 lần so với mức 129,2 tỷ USD trong thời kỳ 2006 - 2010 [10]. FDI đã góp phần quan trọng trong xuất khẩu của Việt Nam, chiếm gần 70% tổng kim ngạch xuất khẩu, vốn FDI thực hiện cùng với xuất khẩu đang là động lực của tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Nhìn chung khu vực FDI tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng xuất khẩu trong những năm qua. Và cũng đã góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn vừa qua. FDI là khu vực phát triển năng động nhất với tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng của các ngành trong nền kinh tế. Tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI trong GDP tăng dần từ 18,97% năm 2011 lên 20,0% năm 2014. Đóng góp của FDI vào ngân sách nhà nước ngày càng tăng, năm 2013 là 5 tỷ USD, năm 2014 là 5,43 tỷ USD. FDI cũng tạo việc làm trực tiếp cho khoảng 3,5 triệu lao động và hàng triệu lao động gián tiếp khác. Điều này cho thấy, chủ trương khuyến khích FDI hướng về xuất khẩu đã tạo thuận lợi cho Việt Nam tiếp cận nhiều hơn với thị trường thế giới, nâng cao năng lực xuất khẩu, từng bước tham gia và cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Cùng với những thành tựu nêu trên, tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, có tác động tích

cực đối với ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng. Tái cơ cấu nền kinh tế là nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực sẵn có và tạo nguồn lực mới cho quá trình phát triển. Trong đó giải pháp quan trọng nhất là phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường và theo cơ chế thị trường. Năm 2015 thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế tập trung vào 3 lĩnh vực trọng tâm sau:

- Tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công. Triển khai thực hiện Luật đầu tư công. Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phân bổ vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn, tập trung cho các dự án quan trọng và vốn đối ứng ODA. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, đề cao trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư. Theo Bộ kế hoạch và Đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội đã chuyển dịch tích cực, trong đó đầu tư công giảm từ 35,5% năm 2010 xuống còn khoảng 30% năm 2015, đầu tư của dân cư và doanh nghiệp trong nước tăng từ 36,1% lên 42%.

- Về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Đã tập trung vào cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các DNNN ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu. Quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu được tăng cường. Tính đến hết năm 2015, đã cổ phần hóa được 245 DNNN. Việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành và bán bớt phần vốn tại các doanh nghiệp cổ phần hóa thu về cao hơn giá trị sổ sách gấp 1,47 lần. Năng lực quản trị, tiềm lực tài chính và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của DNNN được nâng lên; vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển. DNNN cơ bản đã có những chuyển biến tích cực và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong kế hoạch cổ phần hóa 432 doanh nghiệp giai đoạn 2014 - 2015, năm 2014 đã cổ phần hóa được 143 doanh nghiệp, năm 2015 theo số liệu của Bộ Tài chính, cả nước chỉ có 102 DNNN hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa [3].

Trong 2 năm thực hiện cổ phần hóa DNNN chỉ đạt 56,7% kế hoạch. Trong số 187 DNNN chưa cổ phần hóa, thì có trên 100 DNNN mới xác định xong giá trị doanh nghiệp.

Như vậy, tính đến cuối năm 2015, sau hơn 2 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu DNNN, kết quả cho thấy: cơ chế, chính sách về sắp xếp, cổ phần hóa DNNN liên tục được hoàn thiện theo hướng nâng cao chất lượng cổ phần hóa, ngăn chặn thất thoát vốn, tài sản nhà nước; đồng thời nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện. Hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh của DNNN từng bước được cải thiện đáng kể, tình trạng đầu tư dàn trải, đầu tư vào các ngành, lĩnh vực không phải là ngành kinh doanh chính đã từng bước được khắc phục và chấn chỉnh. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã tập trung thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành, thoái vốn tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa hoạt động trong lĩnh vực không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối.

- Về tái cơ cấu thị trường tài chính, trọng tâm là các ngân hàng thương mại. Năm 2015 tập trung xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém. Các ngân hàng thương mại thực hiện bằng các biện pháp chủ động tự xử lý nợ xấu là chủ yếu; đồng thời phát huy vai trò của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) tham gia xử lý nợ xấu và phát triển thị trường mua - bán nợ. Theo Ngân hàng Nhà nước, tính đến hết tháng 11/2015, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống đã được đưa về mức 2,72% (hoàn thành sớm mục tiêu đề ra là dưới 3% vào cuối năm 2016) và đã giảm 17 tổ chức tín dụng. Thanh khoản và an toàn hệ thống được bảo đảm; cung cấp vốn tốt hơn cho nền kinh tế và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Quy mô thị trường chứng khoán tăng, mức tăng vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP và thị trường trái phiếu đạt không 23% vào cuối năm 2015. [7]. Thông qua tái cơ cấu hệ thống tài chính tín dụng, nguy cơ

đỗ vỡ của một số ngân hàng đã được đẩy lùi, thanh khoản của hệ thống tài chính tín dụng đã tốt hơn. Việt Nam thể hiện quyết tâm xây dựng hệ thống ngân hàng lành mạnh hơn, tạo cơ sở để từng bước áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị ngân hàng.

Với kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế năm 2015 cho thấy rõ: Nền kinh tế Việt Nam đã ổn định và phục hồi trong hầu hết các ngành, lĩnh vực với tăng trưởng GDP cả năm vượt mục tiêu đề ra. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối ngân sách nhà nước, tiền tệ, tín dụng ổn định. Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đều có cải thiện so với năm trước. Việc thể chế hóa chính sách của Nhà nước bằng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, có tác động tích cực đối với ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, tạo thuận lợi hơn cho việc tiếp cận các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng.

❖ Những hạn chế, yếu kém trong nền kinh tế

Những kết quả đạt được trong năm 2015 của nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều tín hiệu lạc quan. Tuy nhiên, trong năm qua vẫn còn một số lĩnh vực chưa đạt được kết quả theo mục tiêu, vẫn đang tồn tại những điểm nghẽn trong phát triển kinh tế.

Thứ nhất, nguy cơ bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn còn; bởi vì, tiến trình thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm; nợ công cao và cơ cấu chưa hợp lý; cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn. Trong khi Chính phủ khẳng định nợ công vẫn trong giới hạn an toàn và nằm trong tầm kiểm soát, thì công luận lại có nhiều băn khoăn về sự gia tăng nợ công ảnh hưởng trực tiếp đến bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Sự bất ổn này xuất phát từ tình trạng tỷ lệ thu ngân sách/GDP có xu hướng giảm, trong khi nhu cầu

đầu tư không giảm. Tỷ lệ huy động vào ngân sách giảm dần, chi thường xuyên tăng cao vượt quá nguồn thu trong khi vẫn phải tiếp tục chi đầu tư phát triển. Việc phân bổ vốn vẫn còn mang tính dàn trải, quản lý sử dụng vốn kém hiệu quả và thất thoát, lãng phí vốn kéo dài nhiều năm nay nhưng chưa thấy rõ được sự cải thiện mặc dù đã có nhiều chủ trương và biện pháp tái cơ cấu đầu tư công.

Thứ hai, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, khả năng tiếp cận vốn còn nhiều hạn chế. Việc thực hiện ba đột phá chiến lược, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính dường như mới thể hiện được ở việc ban hành một số văn bản pháp quy có liên quan tới thể chế kinh tế thị trường. Nền hành chính nhà nước vẫn chưa được cải cách một cách triệt để.

Thứ ba, kinh tế vĩ mô vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây bất ổn dài hạn của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 cao hơn so với 4 năm trước; thế nhưng tăng trưởng còn ở dưới mức tiềm năng (7 - 8%/năm) và chưa có chuyển biến một cách tích cực về chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực ASEAN, một số chính sách kinh tế tỏ ra không tương thích với yêu cầu của nền kinh tế thị trường hiện đại tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ tư, tái cơ cấu DNNN diễn ra còn chậm, chất lượng và hiệu quả cổ phần hóa còn thấp. Theo số liệu của Bộ Tài chính, cả nước chỉ có 102 DNNN hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa; trong số 187 DNNN chưa cổ phần hóa, thì có trên 100 DNNN mới xác định xong giá trị doanh nghiệp. Nguyên nhân cốt lõi của quá trình cổ phần hóa DNNN chậm là do cơ chế, cơ quan chủ quản đồng thời là cơ quan quản lý nhà nước làm cho các chủ doanh nghiệp và cơ quan quản

lý nhà nước có động cơ sai lệch. Cơ chế, chính sách về quản lý DNNN chưa phân tách giữa nhiệm vụ kinh doanh và nhiệm vụ công ích, chưa đảm bảo cho các DNNN được giao hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực có mức sinh lời thấp mà khu vực kinh tế tư nhân không muốn hoặc không đủ sức tham gia nhưng cần thiết cho nền kinh tế. Các Bộ chủ quản, UBND cấp tỉnh thành đang được hưởng lợi từ các DNNN, do đó sẽ không ủng hộ việc tách các DNNN ra khỏi phạm vi quản lý của chính quyền địa phương. Một khi chưa tách được chức năng quản lý nhà nước ra khỏi chức năng chủ sở hữu thì quá trình tái cơ cấu DNNN còn mang tính hình thức.

Thứ năm, nền kinh tế Việt Nam dễ bị tổn thương do dựa quá nhiều vào xuất khẩu. Khu vực FDI đóng góp 2/3 tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Vì vậy, xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào khối doanh nghiệp FDI. Đồng thời, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu vẫn chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng chủ lực. Chỉ riêng 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực đã chiếm 69,43% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2015. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm gia công, lắp ráp và nhóm hàng nguyên liệu thô hoặc mới sơ chế. Giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu còn thấp do chủ yếu dựa vào khai thác các yếu tố sẵn có về điều kiện tự nhiên và nguồn lao động rẻ như: Dầu thô và khoáng sản, nông sản, thủy sản, hàng dệt may, da giày, đồ gỗ và điện tử. Đây là những ngành thâm dụng tài nguyên và lao động lớn, đem lại giá trị gia tăng thấp và về xu hướng không còn khả năng tăng trưởng nhanh trên thị trường thế giới, đồng thời rất dễ bị ảnh hưởng bởi những biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp của thị trường xuất khẩu.

3. NĂM 2016: CƠ HỘI ĐẨY MẠNH TĂNG TRƯỞNG TỪ HỘI NHẬP

Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế năm 2016 là: (i) Tổng sản phẩm trong nước

(GDP) tăng 6,7%; (ii) Tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%; (iii) Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; (iv) Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 5%; (v) Tỷ lệ bội chi ngân sách khoảng 5% so với GDP; (vi) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội khoảng 31% GDP; (vii) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.

Mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2016 cao hơn năm 2015, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh trong giai đoạn 2016 - 2020 nhờ vào hàng loạt các yếu tố hỗ trợ từ giá hàng hóa thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nhu cầu bên ngoài, cùng với những cải cách thể chế. Trong điều kiện không có những đột biến, nếu khai thác tốt những cơ hội, tận dụng được điều kiện thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam sẽ bắt đầu chu kỳ phục hồi mới.

Với những cải cách đang được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt, nền kinh tế ổn định và tiếp tục phục hồi với đà tăng trưởng cao, khả năng thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,7% GDP sẽ là hiện thực hóa trong năm 2016. Tăng trưởng kinh tế năm 2016 thuận lợi hơn chủ yếu nhờ vào yếu tố bên trong của nền kinh tế, cầu nội địa mạnh lên, xuất khẩu vẫn duy trì với tốc độ tăng trưởng cao (khoảng trên 10%), mức lạm phát thấp và niềm tin vào đường lối phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 mà Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam đã đề ra. Đây là cơ sở vững chắc cho tăng trưởng trong thời kỳ trung hạn, và là thời điểm thích hợp để củng cố ổn định kinh tế vĩ mô, tạo thêm khoảng đệm chính sách thông qua những nỗ lực kiên quyết để kiểm soát và kiềm chế những mất cân đối

trong nền kinh tế và giải quyết những vấn đề bất cập còn tồn tại trong tái cơ cấu nền kinh tế.

Việc phục hồi tổng cầu, với cầu đầu tư tăng, đầu tư tư nhân được cải thiện do môi trường kinh tế vĩ mô cùng những cải cách thể chế sẽ tạo nên niềm tin cho doanh nghiệp. Đặc biệt, với việc tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong đó đáng chú ý là FTA Việt Nam - EU, FTA Việt Nam - Hàn Quốc, Cộng đồng kinh tế ASEAN, hoàn tất đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP)..., Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để tăng cường thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, nhiều bộ luật sửa đổi như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Nhà ở... có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cải thiện năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế Việt Nam. Tổng cung cũng được cải thiện nhờ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế đã phát huy tác dụng đối với năng suất của các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất của nền kinh tế. Hơn nữa, giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới có xu hướng tiếp tục giảm sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp cắt giảm chi phí sản xuất, thúc đẩy tổng cung trong nước.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,7%; tăng trưởng gắn liền với chất lượng và hiệu quả. Theo đó; chú trọng tạo dựng và duy trì cấu trúc tăng trưởng hợp lý, thể hiện rõ mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Chú trọng việc nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công, hiệu quả sử dụng lao động hướng vào các cực tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn 2016 – 2020.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khả quan hơn, kinh tế vĩ mô ổn định và được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, khó khăn của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã có dấu hiệu giảm bớt. Xuất - nhập khẩu được đánh giá là điểm sáng khi tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức 2 con số. Với kết quả tái cơ cấu DNNN đã phát đi những tín hiệu tích cực để tiến trình cải cách DNNN về đích một cách hiệu quả. Kết quả khả quan đó tạo đà cho phát triển kinh tế năm 2016.

Năm 2016 cần tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, chú trọng thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, chủ động hội nhập thương mại quốc tế theo các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, phát triển thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo cân đối cung - cầu hàng hóa và dịch vụ. Trên cơ sở nội dung và yêu cầu của đề án tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Để vượt qua được “bẫy thu nhập trung bình”, Việt Nam vẫn cần phải thực hiện chiến lược tăng trưởng nhanh trong thời gian tới gắn với chất lượng, hiệu quả và khả năng duy trì lâu dài. Chú trọng tạo dựng và duy trì cấu trúc tăng trưởng hợp lý, ngày càng thể hiện rõ mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Chú trọng việc nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ gắn liền với đổi mới tư duy và sáng tạo, tạo tiền đề đột phá về năng suất lao động. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và vận hành một cách thông suốt, có hiệu quả; tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

Kiến nghị

Để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế năm 2016, cần phải triển khai mạnh mẽ các chính sách, biện pháp xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ trong cả nước và các ngành để tạo ra những kết quả mang tính bước ngoặt trong chuyển dịch cơ cấu và mô hình tăng trưởng.

Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi phát triển hoạt động sản xuất - kinh doanh, giúp cho nền kinh tế nói chung, ngân sách nhà nước nói riêng được cải thiện và tăng trưởng bền vững. Theo đó, cần có giải pháp tổng thể, quyết liệt để tái cơ cấu doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của nền kinh tế trên cơ sở tiến hành cải cách thể chế một cách sâu rộng, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng và bình đẳng cho doanh nghiệp.

Muốn phát triển ổn định, cần phải tiếp tục đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước,

tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân phát triển, đồng thời thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường vốn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận được vốn dễ dàng, thuận lợi và ổn định hơn. Nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ của người lao động; đây chính là lực lượng lao động quan trọng tạo ra động lực phát triển cho doanh nghiệp, và cho cả nền kinh tế.

Cần tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) để chuyển hướng nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào và tăng cường thu hút đầu tư từ các nền kinh tế TPP và các nền kinh tế phát triển khác. Trong đó, chú trọng vào những ngành sản xuất có tác động lan tỏa tới kinh tế và là ngành mũi nhọn của nền kinh tế. Đồng thời chuyển hướng sản xuất và xuất khẩu những hàng hóa, dịch vụ mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh sang các thị trường TPP.

Vietnam's economy 2015 - 2016: Stable and growing in economic integration

• **Nguyen Van Luan**

University of Economics and Law, VNU HCM - Email: luannv@uel.edu.vn

ABSTRACT

In 2015, Vietnam obtained stimulating achievements. The macroeconomy was stable and steady with economic and CPI growth of 6.58% and 0.63% respectively; financial markets had encouraging changes; difficulties in manufacturing and trading showed sign of abating; import – export reached double-digit growth rate. Results from the restructuring process of state-owned enterprises gave positive signal of a success outcome. These are impetus for the 2016 economic growth.

Targets of 2016 are to keep the macro economy stabilized, reach the GDP growth rate of 6.7%, improve growth quality and towards a

sustainable development. It is also necessary to create favorable conditions for enterprises, uniformly and effectively implement administration reforms, actively integrate into international trade under trade agreements such as FTA, AEC, TPP.

To achieve 2016 economic targets, it is of importance to rigorously implement policies, system innovations and creativity, nation-wide and industry-wide scientific and technology development so as to create breakthrough results in the transition of structure and economic growth.

Key words: *Economic stabilization, growth and international integration.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ công thương, Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động ngành công nghiệp và thương mại (2015).
- [2]. Bộ Tài chính, Báo cáo tình hình tái cơ cấu DNNN năm 2014 và nhiệm vụ 2015 (2014).
- [3]. Bộ Tài chính, Báo cáo tình hình ngân sách 9 tháng đầu năm 2015 (2015).
- [4]. Chính phủ, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (2015).
- [5]. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011).
- [6]. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016).
- [7]. Ngân hàng Nhà nước, Thống kê tiền tệ tín dụng các tháng (2015).
- [8]. Tái cơ cấu nền kinh tế: Yêu cầu mới – Phương thức mới. *Diễn đàn Doanh nghiệp* ngày 16/11/2015.
- [9]. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2014* (2015).
- [10]. Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (2015).
- [11]. Tổng cục Thống kê, Báo cáo tổng quan thị trường và giá cả tháng 12 và năm 2015 (2015).